

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn gen trong lĩnh vực thủy sản và vật nuôi thông qua hợp tác giữa Việt Nam và Hungary, mã số : NĐT.76.HU/19

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):
- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả nguồn gen thủy sản và gia cầm thông qua hợp tác giữa Việt Nam và Hungary

Mục tiêu cụ thể:

- Nguồn gen hai dòng cá Chép Tata và Szarvas P3 được nhập từ Hungary vào Việt Nam và nguồn gen hai loài cá Trê được Việt Nam xuất sang Hungary;
- Quần đàn bố mẹ thế hệ Go của hai dòng cá Chép Tata và Szarvas P3 với 50 gia đình (mỗi gia đình 20 con, tỷ lệ đực:cái = 1:1) đạt năng suất cá bột ≥ 10.000 con/1kg cá, tỷ lệ sống từ bột lên cá hương $\geq 30\%$, khối lượng sau 1 năm ≥ 1.200 gram/con;
- Tạo tổ hợp lai từ 5 dòng cá Chép (200 con/tổ hợp lai) giữa 02 dòng cá chép nhập từ Hungary và 3 dòng cá Chép hiện có ở Việt Nam được xây dựng phục vụ chọn giống;
- Xây dựng được quy trình và phương pháp bảo quản tinh tiên tiến áp dụng công nghệ của Hungary với tỷ lệ sống $\geq 70\%$; thời gian bảo quản 2 năm;
- Đánh giá được tính đa dạng di truyền của giống vịt HUBA nhập nội và một số giống vịt nuôi ở Việt Nam;
- Nhập 1.800 quả trứng ông bà, tỷ lệ phôi $\geq 90\%$; tạo được đàn vịt sinh sản 875 con con, năng suất trứng ≥ 200 quả/mái/năm; đàn thương phẩm 2.000

con, khối lượng cơ thể 10 tuần tuổi ≥ 2.200 gram/con, tiêu tốn thức ăn ≤ 2.900 gram/kg tăng khối lượng;

- Tạo được đàn hạt nhân của gà HUBA với 100 con sinh sản, năng suất trứng ≥ 75 quả/mái/năm; đàn sản xuất 300 con sinh sản, năng suất trứng ≥ 70 quả/mái/năm; đàn thương phẩm: 500 con, khối lượng 20 tuần tuổi ≥ 4.200 gram/con mái, ≥ 5.600 gram/con trống; tiêu tốn thức ăn ≤ 3.200 gram/kg tăng khối lượng;
- Xây dựng được 02 Quy trình chăn nuôi gà Tây và Vịt HUBA sinh sản; 02 Quy trình chăn nuôi gà Tây và Vịt HUBA thương phẩm;
- Nâng cao được năng lực và củng cố được mạng lưới về bảo tồn và chọn giống cá Chép và gia cầm giữa các đơn vị nghiên cứu đào tạo trong nước và với các đối tác Hungary.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Mai Văn Tài

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1

5. Tổng kinh phí thực hiện: 5.200 triệu đồng.
Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 5.200 triệu đồng.
Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 36 tháng

Bắt đầu: 30/12/2019

Kết thúc: 29/12/2022

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): 30/6/2023 theo Quyết định số 2727/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư “Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn gen trong lĩnh vực thủy sản và vật nuôi thông qua hợp tác giữa Việt Nam và Hungary”, mã số : NĐT.76.HU/19.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1.	Mai Văn Tài	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1
2.	Nguyễn Hải Sơn	Thạc sĩ	Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản Nước ngọt miền Bắc - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1
3.	Lê Văn Khôi	Tiến sĩ	Trung tâm Công nghệ Sinh học Thủy sản - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
4.	Lê Thanh Hải	Tiến sĩ	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia cầm VIGOVA - Viện Chăn nuôi
5.	Nguyễn Thùy Linh	Tiến sĩ	Trường ĐH Trà Vinh
6.	Lê Thị Mai Hoa	Tiến sĩ	Trung tâm Nghiên cứu vẹt Đại Xuyên - Viện Chăn nuôi
7.	Nguyễn Thị Là	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1
8.	Nguyễn Văn Duy	Tiến sĩ	Trung tâm Nghiên cứu vẹt Đại Xuyên - Viện Chăn nuôi
9.	Phạm Thị Như Tuyết	Thạc sĩ	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia cầm VIGOVA - Viện Chăn nuôi
10.	Nguyễn Hữu Quân	Kỹ sư	Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản Nước ngọt miền Bắc - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1
11.	Kim Thị Thoa	Thạc sĩ	Trung tâm Công nghệ sinh học Thủy sản - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1
12.	Nguyễn Văn Vui	Tiến sĩ	Trường ĐH Trà Vinh

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	Sản phẩm dạng I									
1	Nhập thành công 02 dòng cá Chép Tata và Szarvas P3		x			x			x	
2	Xây dựng 05 dòng cá chép bố mẹ.		x			x			x	
3	Xây dựng được các gia		x			x			x	

	đình chọn giống thể hệ G0, mỗi dòng 50 gia đình								
4	Xuất hai nguồn gen cá Trê <i>Clarias macrocephalus</i> và cá Trê <i>C. Gariepinus</i>		x			x			x
5	Xây dựng các tổ hợp lai từ 5 dòng cá chép (200 con/tổ hợp lai)		x			x			x
6	Tinh đông lạnh bảo quản trong nito lỏng		x			x			x
7	Nhập thành công 01 đợt trứng vịt HUBA		x			x			x
7.1	Vịt HUBA sinh sản		x			x			x
7.2	Vịt HUBA thương phẩm		x			x			x
8	Đàn gà tây hạt nhân		x			x			x
9	Đàn gà tây sản xuất		x			x			x
10	Đàn gà tây thương phẩm		x			x			x
	Sản phẩm dạng II:								
11	Quy trình bảo quản tinh cá chép đông lạnh		x			x			x
12	Quy trình chăn nuôi vịt		x			x			x

	HUBA sinh sản								
13	Quy trình chăn nuôi vịt HUBA thương phẩm		x			x			x
14	Quy trình chăn nuôi gà tây sinh sản		x			x			x
15	Quy trình chăn nuôi gà tây thương phẩm		x			x			x
	Sản phẩm dạng III								
16	Bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước về lĩnh vực thủy sản		x			x			x
17	Bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước về lĩnh vực gia cầm		x			x			x
	Sản phẩm dạng IV								
18	Tập huấn trong nước: Kỹ thuật sinh sản và nuôi cá chép		x			x			x
19	Tập huấn trong nước: Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm		x			x			x
20	Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia		x			x			x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Nhiệm vụ đã tạo ra được nguồn vật liệu tốt (cá chép, vịt HUBA và gà HUBA) cho các chương trình chọn giống và phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Cải tiến được phương pháp và quy trình bảo quản tinh cá chép giúp chủ động được nguồn tinh cá chép trong sinh sản cá chép.

Nâng cao trình độ về công tác chọn giống cho các cán bộ nghiên cứu thực hiện luận án.

Quy trình bảo quản tinh đông lạnh 02 dòng cá chép nhập nội Szarvas P3 và Tata, tỷ lệ sống đạt > 70%, là tài liệu khoa học quan trọng giúp các đơn vị sản xuất giống cá chép chủ động nguồn tinh cá chép phục vụ sản xuất giống, đáp ứng nguồn giống phục vụ nhu cầu sản xuất thực tiễn.

Quy trình chăn nuôi vịt và gà HUBA sinh sản và thương phẩm là các Quy trình khoa học ngắn gọn, dễ hiểu và dễ áp dụng vào thực tế, năng suất trứng vịt HUBA đạt > 200 quả/mái/năm, trứng gà HUBA đạt > 70 quả/mái/năm, vịt HUBA thương phẩm lúc 10 tuần tuổi đạt > 2.500g/con và khối lượng gà HUBA 20 tuần tuổi \geq 4.200g/con.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

+ Với tổ chức chủ trì: Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ đã tích

lũy được kinh nghiệm, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, giúp tổ chức triển khai và thực hiện các nghiên cứu tiếp theo đạt kết quả tốt hơn. Các sản phẩm của đề tài (Đàn cá chép Szarvas P3 và Tata, đàn vịt HUBA và đàn gà HUBA thuần chủng) là đàn bố mẹ, quy trình công nghệ được tiếp nhận từ nhiệm vụ là tài sản khoa học có thể khai thác phục vụ nghiên cứu khoa học cũng như sản xuất ở nhiều đơn vị nghiên cứu, giảng dạy và đơn vị sản xuất ở các địa phương trong nhiều năm tiếp theo.

+ *Với các cơ sở ứng dụng*: Khi quy trình công nghệ được chuyển giao, các cơ sở sản xuất giống, nuôi thương phẩm có thể chủ động sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá chép, vịt và gà trên toàn quốc, nâng cao thu nhập cho các hộ chăn nuôi gia cầm, thủy cầm và nuôi trồng thủy sản.

3.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả Dự án đáp ứng được việc chủ động con giống trong nước, đảm bảo nguồn giống cung cấp cho các hộ nuôi trồng thủy sản. Góp phần thúc đẩy nuôi trồng thủy sản nước ngọt đa dạng hóa vật nuôi.

3.2. Hiệu quả môi trường:

Kết quả Dự án cũng góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm tình trạng khai thác, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

- Nhiệm vụ đã đạt 100% các chỉ tiêu về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm dạng I, dạng II (Quy trình công nghệ, báo cáo phân tích), dạng III (Bài báo) và sạng IV (Đào tạo cho Việt Nam).
- Các sản phẩm về Quy trình mang tính ứng dụng cao, phù hợp với điều kiện sản xuất trong nước và đã sẵn sàng để chuyển giao trong thời gian sắp tới.
- Các bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành về Thủy sản và Chăm nuôi thú Y uy tín trong nước và quốc tế.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)


Mai Văn Đương

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)




PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Đặng Thị Lua